

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2023 (đấu thầu lại), Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;



Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 và Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic năm 2023, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo;

Căn cứ Báo cáo số 522/BC-SYT ngày 01/12/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2023 (đấu thầu lại), Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Ea H'Leo;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Ea H'Leo tại Tờ trình số 1075/TTr-TTYT ngày 15/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc không trúng thầu năm 2023 (đấu thầu lại), Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo, với số tiền **919.160.040 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười chín triệu, một trăm sáu mươi ngàn không trăm bốn mươi đồng), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ea H'Leo; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT UBND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).



H'Yim Kđoh

11-10-2014

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA THUỐC GENERIC THUỘC DANH MỤC THUỐC KHÔNG TRÚNG THẦU NĂM 2023 (ĐẤU THẦU LẠI), DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA H'LEO

(Kèm theo Quyết định số **2617** /QĐ-UBND ngày **06** / **12** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

Phụ lục II

DANH MỤC GÓI THẦU MUA THUỐC GENERIC THUỘC DANH MỤC THUỐC KHÔNG TRÚNG THẦU NĂM 2023 (ĐẦU THẦU LẠI) DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA H'LEO

(Kèm theo Quyết định số **2617/QĐ-UBND** ngày **06 / 12 /2023** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Nhóm thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Acetylcystein	200mg	4	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	40.000	520	20.800.000
2	Acid amin*	10% - 500ml	1	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống	70	188.638	13.204.660
3	Ambroxol	30mg	4	Uống	Viên	Viên	17.000	118	2.006.000
4	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg+100mg	2	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	200	29.400	5.880.000
5	Amoxicilin+ Acid clavulanic	875mg+125 mg	3	Uống	Viên	Viên	25.000	3.920	98.000.000
6	Cefotaxim	1000mg	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	8.000	5.785	46.280.000
7	Cefadroxil	500mg	4	Uống	viên nang	Viên	81.000	768	62.208.000
8	Cefdinir	300mg	4	Uống	Viên nang	Viên	8.000	2.442	19.536.000
9	Cefuroxim	500mg	4	Uống	Viên	Viên	5.000	2.615	13.075.000
10	Cefotaxim	0,5g	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	400	19.000	7.600.000
11	Cetirizin	10mg	4	Uống	Viên nang	Viên	10.000	290	2.900.000
12	Cinnarizin	25mg	4	Uống	Viên	Viên	60.000	60	3.600.000
13	Codein + terpin hydrat	10mg+100mg	4	Uống	Viên	Viên	60.000	680	40.800.000
14	Diazepam	10mg/2ml, ống 2ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	150	4.480	672.000
15	Diazepam	5mg	4	Uống	Viên	Viên	2.500	240	600.000
16	Diclofenac	75mg/3ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.200	9.000	19.800.000
17	Digoxin	0,25mg	4	Uống	Uống, Viên	Viên	700	650	455.000
18	Digoxin	0,25mg/ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	100	16.000	1.600.000
19	Dihydro ergotamin mesylat	3mg	4	Uống	Viên	Viên	4.500	1.932	8.694.000
20	Domperidon	10mg	1	Uống	Viên	Viên	25.000	1.813	45.325.000
21	Doxazosin	2 mg	2	Uống	Viên	Viên	4.500	4.350	19.575.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Nhóm thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
22	Ginkgo biloba	40mg	2	Uống	Viên	Viên	35.000	2.725	95.375.000
23	Glycerol	2,25g/3g Tuýp 9g	4	Thụt hậu môn/trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai/Lọ/Ống/tuýp	1.000	6.930	6.930.000
24	Glycerol	5ml	4	Thụt hậu môn/trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/Tuýp	8.000	2.477	19.816.000
25	Hydrocortison	1%, tuýp 10g	4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/Tuýp	60	17.980	1.078.800
26	Hydroclorothiazid	25mg	4	Uống	Viên	Viên	850	157	133.450
27	Naloxon hydroclorid	0,4mg/ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	20	29.400	588.000
28	Meloxicam	7,5mg	4	Uống	Viên	Viên	70.000	150	10.500.000
29	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	(35mg+100.000IU+10mg)/10ml	4	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	60	37.000	2.220.000
30	Nicorandil	5mg	4	Uống	Viên	Viên	8.500	2.900	24.650.000
31	Nor-adrenalin/ Nor-epinephrin	1mg/1ml	4	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống	100	28.000	2.800.000
32	Phenobarbital	200mg/ml	5	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	100	14.868	1.486.800
33	Phytomenadion	10mg/ml	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	100	1.600	160.000
34	Piracetam	1g/5ml	2	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.000	6.720	13.440.000
35	Povidon iodin	10%-90ml	4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống/Tuýp	1.200	7.800	9.360.000
36	Pralidoxim	500mg	2	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	50	81.000	4.050.000
37	Sorbitol	5g	4	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	9.000	525	4.725.000
38	Tetracain	0,5%-10ml	4	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	170	15.015	2.552.550
39	Terbutalin	0,5mg	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	130	4.935	641.550
40	Tinidazol	500mg	4	Uống	Viên	Viên	4.200	380	1.596.000
41	Trimetazidin	35mg	4	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	9.200	350	3.220.000
42	Trimetazidin	20mg	2	Uống	Viên	Viên	4.200	324	1.360.800
43	Valproat natri	200mg	4	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2.500	1.260	3.150.000
44	Calci gluconat	10%/10ml	2	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	200	13.300	2.660.000
45	Ketamin	500mg/10ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	60	60.800	3.648.000
46	Fenofibrat	145mg	2	Uống	Viên	Viên	850	5.950	5.057.500
47	Carbamazepin	200mg	1	Uống	Viên	Viên	170	1.554	264.180

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Nhóm thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
48	Kali clorid	600mg	1	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.000	2.100	2.100.000
49	Metformin	500mg	1	Uống	Viên	Viên	52.500	435	22.837.500
50	Tinh bột este hóa/hydroxyethyl starch	6%/ 500ml	1	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống	50	85.400	4.270.000
51	Budesonid	500mcg/2ml	1	Hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Tuý p	2.500	13.834	34.585.000
52	Vitamin B6 + magnesi lactat	10 mg + 470 mg	4	Uống	Viên	Viên	30.000	975	29.250.000
53	Acetylcystein	200mg	2	Uống	viên nang	Viên	25.000	710	17.750.000
54	Alpha chymotrypsin	4,2mg (4200 IU hoặc 21 microkatal)	4	Uống	Viên	Viên	50.000	142	7.100.000
55	Aminophyllin	4,8%/5 ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	50	18.155	907.750
56	Cefaclor	500mg	4	Uống	Viên nang	Viên	6.500	3.175	20.637.500
57	Dexamethason	4mg/ 1ml (tương đương 3,3mg Dexamethason/ 1ml)	4	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	6.000	743	4.458.000
58	Glucose	10%-500ml	4	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống	400	10.290	4.116.000
59	Glucose	5% 500ml	4	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống	2.000	7.980	15.960.000
60	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	1	Uống	Viên	Viên	10.000	1.800	18.000.000
61	Natri clorid	0,9% x 10 ml	4	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	1.700	1.390	2.363.000
62	Natri clorid	0,9%/500ml	4	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống	4.000	7.875	31.500.000
63	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	(3,5g+1,5g+2,545g+20g)/27,9g	4	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	12.900	1.470	18.963.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Nhóm thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
64	Pethidin hydroclorid	100mg/2ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	100	18.000	1.800.000
65	Ringer lactat	500ml	4	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Bịch/Túi/Ống	3.000	8.400	25.200.000
66	Spironolacton	50mg	1	Uống	Viên nang	Viên	600	4.200	2.520.000
67	Fentanyl	0,1mg/2ml	1	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	60	12.800	768.000
Tổng cộng: 67 mặt hàng								919.160.040	